

-----  
**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA  
MÔN LUẬT HIẾN PHÁP**

**Mục đích**

Tài liệu này nhằm hỗ trợ cho học viên hình thức giáo dục từ xa nắm vững nội dung ôn tập và làm bài kiểm tra hết môn hiệu quả.

Tài liệu này cần được sử dụng cùng với tài liệu học tập của môn học và bài giảng của giảng viên ôn tập tập trung theo chương trình đào tạo.

**Nội dung hướng dẫn**

Nội dung tài liệu này bao gồm các nội dung sau:

**Phần 1: Các nội dung trọng tâm của môn học.** Bao gồm các nội dung trọng tâm của môn học được xác định dựa trên mục tiêu học tập, nghĩa là các kiến thức hoặc kỹ năng cốt lõi mà người học cần có được khi hoàn thành môn học.

**Phần 2: Cách thức ôn tập.** Mô tả cách thức để hệ thống hóa kiến thức và luyện tập kỹ năng để đạt được những nội dung trọng tâm.

**Phần 3: Hướng dẫn làm bài kiểm tra.** Mô tả hình thức kiểm tra và đề thi, hướng dẫn cách làm bài và trình bày bài làm và lưu ý về những sai sót thường gặp, hoặc những nỗ lực có thể được đánh giá cao trong bài làm.

**Phần 4: Đề thi mẫu và đáp án.** Cung cấp một đề thi mẫu và đáp án, có tính chất minh họa nhằm giúp học viên hình dung yêu cầu kiểm tra và cách thức làm bài thi.

-----

## **PHẦN 1. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM**

Chương trình được kết cấu gồm 15 Chương, bao gồm các kiến thức cốt lõi sau:

### **Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM**

1. Phân biệt một số khái niệm quan trọng
2. Bản chất và sự ra đời của Hiến pháp trong lịch sử
3. Lịch sử lập hiến Việt Nam
4. Nguồn của Luật Hiến pháp
5. Quy phạm pháp luật hiến pháp – Quan hệ pháp luật hiến pháp

### **Chương 2: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ**

1. Khái niệm Chế độ chính trị
2. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam
3. Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam
4. Quan hệ đối ngoại, vấn đề dân tộc và chủ quyền quốc gia Việt Nam

### **Chương 3: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN**

1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
2. Các nguyên tắc hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
3. Sự phát triển quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các Hiến pháp
4. Phân loại quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp hiện hành
5. Quyền con người trong Hiến pháp hiện hành

### **Chương 4: CHẾ ĐỘ KINH TẾ**

1. Khái niệm chế độ Kinh tế
2. Mục đích, chính sách phát triển kinh tế theo Hiến pháp hiện hành
3. Các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế hiện nay ở VN
4. Các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế.

### **Chương 5: XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (Chương này không có câu hỏi thi)**

1. Khái niệm về xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ
2. Mục đích, chính sách phát triển xã hội và nền văn hóa Việt Nam

3. Mục đích, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam
4. Mục đích, chính sách phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam
5. Mục đích, chính sách bảo vệ môi trường Việt Nam

## **Chương 6: QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

1. Khái niệm Quốc tịch
2. Một số vấn đề cơ bản trong pháp luật Quốc tịch Việt Nam

## **Chương 7: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ**

1. Khái niệm Chế độ bầu cử
2. Sự ra đời và phát triển chế độ bầu cử ở Việt Nam
3. Các nguyên tắc bầu cử
4. Những nội dung cơ bản về pháp luật bầu cử ở Việt Nam

## **Chương 8: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

1. Khái niệm Bộ máy Nhà nước CHXHCNVN
2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của BMNN Việt Nam
3. Bộ máy Nhà nước CHXHCNVN qua các bản Hiến pháp

## **Chương 9: QUỐC HỘI**

1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội
2. Vị trí, tính chất và chức năng của Quốc hội
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội
4. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội
5. Hình thức hoạt động của Quốc hội
6. Đại biểu Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội

## **Chương 10: CHỦ TỊCH NƯỚC**

1. Vị trí pháp lý của Chủ tịch nước
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước
3. Việc bầu Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước

## **Chương 11: CHÍNH PHỦ**

1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ
2. Vị trí, tính chất và chức năng của Chính phủ
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ

4. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ
5. Hình thức hoạt động của Chính phủ

## **Chương 12: TÒA ÁN NHÂN DÂN**

1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Tòa án nhân dân
2. Vị trí pháp lý của Tòa án nhân dân
3. Chức năng của Tòa án nhân dân
4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân
5. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân
6. Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân
7. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân

## **Chương 13: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Viện Kiểm sát nhân dân
2. Vị trí pháp lý của Viện Kiểm sát nhân dân
3. Chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân
4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân
5. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân
6. Cơ cấu tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân
7. Kiểm sát viên

## **Chương 14: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN)**

1. Hội đồng nhân dân
  - Vị trí, tính chất và chức năng của Hội đồng nhân dân
  - Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân
  - Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân
  - Các hình thức hoạt động của Hội đồng nhân dân
2. Ủy ban nhân dân
  - Vị trí, tính chất và chức năng của Ủy ban nhân dân
  - Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân
  - Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân
  - Các hình thức hoạt động của Ủy ban nhân dân

## **Chương 15: HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

### **1. Hội đồng bầu cử quốc gia**

- Vị trí pháp lý của của Hội đồng bầu cử quốc gia
- Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia

### **2. Kiểm toán nhà nước**

- Vị trí pháp lý của của Kiểm toán nhà nước
- Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước

## **PHẦN 2. CÁCH THỨC ÔN TẬP**

Phần này sẽ nêu qua những vấn đề mà SV cần lưu ý khi học ôn. Điều đó không có nghĩa là chỉ học bài thi trong những phần này mà đây là những chỗ cần học kỹ, hiểu đúng và biết vận dụng khi làm bài. Do vậy, có khi một chương có 5 nội dung nhưng cách hướng dẫn ôn tập không nêu hết đầy đủ và theo đúng thứ tự 5 nội dung đó. SV cần hiểu rằng phần này nêu theo từng vấn đề, vấn đề nào mà GV thấy cần thì sẽ hướng dẫn. Những vấn đề không được nhắc đến trong phần này (phần B) thì SV phải tự đọc Giáo trình và Tài liệu học tập (nếu có) theo Đề cương chi tiết ở phần A.

## **Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM**

### **1. Phân biệt một số khái niệm quan trọng**

- Có 3 khái niệm: Hiến pháp, Luật Hiến pháp, Khoa học Luật Hiến pháp
- Chú ý hiểu và sử dụng đúng các khái niệm. Đặc biệt là không được nhầm lẫn giữa 2 khái niệm “hiến pháp” và “luật hiến pháp” (có rất nhiều SV sử dụng không đúng).

VD: Trong bài thi, SV viết: “Tại Điều 2 Luật Hiến pháp năm 2013 quy định...” hoặc “ngành luật Hiến pháp năm 2013 là một trong những ngành luật thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành...”. Kiểu diễn đạt trên cho thấy người viết hiểu không đúng 2 thuật ngữ trên nên đã sử dụng lẫn lộn, thừa các từ bị gạch chân.

### **2. Phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Hiến pháp**

Nắm được 4 phương pháp điều chỉnh của ngành luật này, mỗi phương pháp phải cho được một VD minh họa. Và ngược lại, khi gặp một VD được trích ra từ Điều nào đó của Hiến pháp, SV phải xác định được quy phạm đó đã thể hiện phương pháp điều chỉnh nào.

### **3. Nguồn của luật hiến pháp**

- Hiểu được nguồn của một ngành luật là gì? Từ đó, hiểu được nguồn của ngành luật Hiến pháp là gì?

- Xác định được nguồn của LHP bao gồm: *Hiến pháp* (là nguồn cơ bản) và một số văn bản quy phạm pháp luật khác, như một số *Luật*; một số *Nghị quyết* của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của HĐND các cấp; một số *Pháp lệnh*, một số *Nghị định*, một số

*Quyết định* của Thủ tướng Chính phủ (gọi là nguồn không cơ bản). Vấn đề quan trọng cần lưu ý là trong số những chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì chỉ có một số chủ thể được ban hành văn bản được gọi là nguồn của LHP, tức là văn bản có chứa quy phạm pháp luật hiến pháp. Và ngay cả những văn bản quy phạm pháp luật do những chủ thể này ban hành cũng chỉ có một số văn bản trở thành nguồn của LHP.

- Về phân giới thiệu Hiến pháp: Biết được sự ra đời của Hiến pháp và nhớ mốc lịch sử ra đời của Hiến pháp Tư sản đầu tiên, Hiến pháp XHCN đầu tiên là vào năm nào? của quốc gia nào? Phân tích được đặc trưng của Hiến pháp.

Hoàn cảnh ra đời, tính chất, nhiệm vụ, kết cấu Chương - Điều của 5 bản Hiến pháp cũng là vấn đề cần ôn tập và đáng ghi nhớ.

#### **4. Quy phạm pháp luật hiến pháp**

Cần nắm được các đặc điểm của quy phạm pháp luật hiến pháp, trong đó có đặc điểm chung và đặc điểm riêng. Vận dụng đặc điểm riêng để giải quyết được các câu hỏi lý thuyết.

#### **5. Khoa học Luật Hiến pháp**

Khi học về phương pháp thống kê (một trong các phương pháp nghiên cứu của khoa học Luật Hiến pháp), SV cần hệ thống lại kiến thức Luật HP theo từng vấn đề, xếp theo thứ tự về thời gian (VD: 13 nhiệm kỳ của Quốc hội thể hiện thế nào?) hoặc xếp theo quy định của 5 bản Hiến pháp (VD: Chính phủ Việt Nam qua 5 bản Hiến pháp có tên gọi thế nào?,...).

Từ bài học này, SV nên vận dụng phương pháp so sánh và thống kê để xâu chuỗi từng chế định của Luật HP qua 5 bản Hiến pháp. Đây là cách học và ôn tập môn Luật HP một cách có hiệu quả.

### **Chương 2: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ**

#### **1. Khái niệm Chế độ chính trị**

Có nhiều khái niệm được nêu trong giáo trình nhưng SV chỉ cần nắm được khái niệm này dưới góc độ của môn học Luật Hiến pháp.

#### **2. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam**

Thể hiện qua:

- Bản chất của một nhà nước nói chung (xem lại môn *Lý luận Nhà nước và pháp luật*);
- Bản chất riêng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam (xem Điều 2 HP2013).

#### **3. Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam**

Xác định được hệ thống chính trị dưới góc độ cấu trúc hệ thống. Trong đó, cần xác định được vai trò, vị trí của từng thiết chế.

#### **4. Quan hệ đối ngoại, vấn đề dân tộc và chủ quyền quốc gia Việt Nam**

Phần này, sinh viên cần lưu ý vấn đề về “quyền dân tộc cơ bản”. Dường như rất nhiều sinh viên chưa hiểu đúng cụm từ này nên thường trả lời không đúng các câu hỏi có liên quan.

Quyền dân tộc cơ bản là những quyền cơ bản nhất, đồng thời cũng là cơ sở tối thiểu để bảo đảm cho một dân tộc tồn tại và phát triển bình thường, là cơ sở để dân tộc đó thực hiện các quyền khác của mình. *Quyền dân tộc cơ bản* bao gồm bốn yếu tố: độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; được kế thừa và phát triển (về cả nội dung lẫn hình thức) qua 5 bản Hiến pháp nước ta. Trong HP 1946, quyền này thể hiện ở Điều 2, các Hiến pháp còn lại đều thể hiện ở ngay Điều 1.

Thế nhưng, nhiều sinh viên hiểu đó là quyền đoàn kết, không phân biệt giữa các dân tộc; hoặc trích dẫn toàn bộ vấn đề về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân để trả lời. Đây là cái sai rất cơ bản về kiến thức mà người học cần lưu ý khắc phục.

### **Chương 3: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN**

#### **1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**

- Phân biệt được khái niệm “quyền con người” với “quyền công dân” (khái niệm nào ra đời trước? khái niệm nào rộng hơn?,...). Qua đó, xác định được đâu là quyền con người, nghĩa vụ của những người sống trên lãnh thổ Việt Nam và đâu là quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam được quy định trong Hiến pháp.

- Lý giải được tại sao quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong HP được gọi là quyền và nghĩa vụ cơ bản?

#### **2. Các nguyên tắc hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**

- Nắm được 5 nguyên tắc. Mỗi nguyên tắc cần nắm vững các nội dung:

+ Cơ sở pháp lý (được quy định ở Điều nào trong HP)?

+ Nội dung, đặc điểm của nguyên tắc là gì?

+ Ý nghĩa của nguyên tắc?

- Chú ý: khi nêu nội dung, đặc điểm của nguyên tắc, SV cần nắm được sự biểu hiện của các nguyên tắc qua các bản Hiến pháp như thế nào? VD: nguyên tắc về tính khả thi của các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được đảm bảo hay chưa? Nếu chưa thì điều đó được thể hiện trong quy phạm nào của bản Hiến pháp nào?

#### **3. Quyền con người trong Hiến pháp hiện hành**

Nắm được các vấn đề:

- “Quyền con người” được nhắc đến, được trở thành chế định của HP từ bản HP nào của Việt Nam?



- Những biểu hiện để chứng minh được quyền con người rất được đề cao trong HP hiện hành?

#### **Chương 4: CHẾ ĐỘ KINH TẾ**

Phần này, chỉ cần ôn phần Các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế ở nước ta.

Qua mỗi bản HP, nước ta quy định có bao nhiêu hình thức sở hữu và bao nhiêu thành phần kinh tế? Hãy kể tên!

Trong đó, lưu ý rằng HP 1992 quy định khác HP 1992 (sửa đổi năm 2001) nên cần nắm được được điểm khác này.

#### **Chương 5: XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Bài này không có câu hỏi thi. Sinh viên tự đọc Giáo trình và tự nghiên cứu để nắm được các quy định của Hiến pháp)

#### **Chương 6: QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

##### **1. Khái niệm Quốc tịch**

Nêu được khái niệm *Quốc tịch*.

##### **2. Một số vấn đề cơ bản trong pháp luật Quốc tịch Việt Nam**

Ôn 3 vấn đề:

- Nội dung của nguyên tắc Một quốc tịch, quy định và việc áp dụng nguyên tắc này trong pháp luật quốc tịch hiện hành ở nước ta.

- Điều kiện nhập hoặc thôi quốc tịch Việt Nam; Thẩm quyền quyết định. Trong số các điều kiện nhập quốc tịch, cần lưu ý là có 3 điều kiện trong số đó có thể thay thế được bằng một trong 3 điều kiện khác (đó là những điều kiện nào?).

- Các quy định mới trong pháp luật quốc tịch hiện hành. Trong này, cần cập nhật “pháp luật hiện hành”, vì pháp luật quốc tịch nước ta thường thì 10 năm sẽ thay Luật một lần nhưng bên cạnh đó còn có các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn (VD: Luật Quốc tịch 2008 được sửa đổi vào năm 2014 có những điểm mới cần cập nhật).

#### **Chương 7: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ**

##### **1. Khái niệm Chế độ bầu cử**

Hiểu và phân tích được khái niệm “chế độ bầu cử”. Trong đó gồm có nhiều vấn đề chứ không chỉ là một hoạt động “bỏ phiếu bầu vào thùng cho đến khi có kết quả bầu cử”.

##### **2. Các nguyên tắc bầu cử**

Nắm được cơ sở pháp lý, nội dung và ý nghĩa của 4 nguyên tắc. Trong đó, cần biết được đâu là nguyên tắc có mặt xuyên suốt trong tiến trình bầu cử? phân tích được sự “xuyên suốt” đó.



## **Chương 8: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

### **1. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước (BMNN) Việt Nam**

Nắm được cơ sở pháp lý, nội dung và ý nghĩa của 5 nguyên tắc. Trong đó, nguyên tắc tập trung dân chủ cần lưu ý tính phụ thuộc hai chiều (song trùng trực thuộc) của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Cho được VD và nhớ rằng thuộc tính này chỉ có ở loại cơ quan này.

### **2. Bộ máy Nhà nước CHXHCNVN qua các bản Hiến pháp**

- Trước hết là vẽ được sơ đồ phát họa được BMNN qua 5 bản HP để nắm được cái hệ thống, tổng quát cho vững trước khi vào học từng cơ quan trong BMNN.

- Học bài bằng cách ghi chú vào bên dưới hoặc ngay trong sơ đồ đã vẽ.

- Cả 2 cách sau đây đều phải được áp dụng vào bài học:

+ Cách 1: Nắm vững BMNN theo từng Hiến pháp

. Học theo hàng ngang: tức là nắm được BMNN theo từng bản HP để biết theo HP này thì ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có những cơ quan nào? Tức là xác định được những cơ quan nào thuộc cùng 1 cấp, đồng thời biết được mối quan hệ giữa chúng.

. Học theo hàng dọc: tức là học theo hệ thống cơ quan. Nắm được trong BMNN có bao nhiêu hệ thống cơ quan? Các tên gọi khác nhau của cùng một hệ thống cơ quan là gì? Trong hệ thống đó gồm có những cơ quan nào? Mối quan hệ giữa cơ quan cấp trên với cấp dưới là thế nào? Bên cạnh đó cũng phải nắm được có các thiết chế hiến định độc lập, tức là nó được HP quy định nhưng không thống thuộc một hệ thống cơ quan nào. Do vậy, khi vẽ sơ đồ, loại cơ quan này đứng riêng, không nằm chung trong một hệ thống nào (VD: HP 2013 có 3 thiết chế Hiến định độc lập đó là Chủ tịch nước, Hội đồng Bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước).

Theo cách học này, SV sẽ hình dung được BMNN trong từng bản HP để biết được HP này khác HP kia trong việc tổ chức BMNN như thế nào.

Lưu ý: Cách này được sử dụng triệt để khi học bài này.

+ Cách 2: Nắm vững lịch sử hình thành và phát triển của từng cơ quan qua 5 bản Hiến pháp

Đây là cách học theo hàng dọc nhưng không phải dọc trong một hệ thống cơ quan (trên 1 sơ đồ minh họa 1 bản HP) mà là dọc trong chiều dài lịch sử hình thành và phát triển BMNN qua 5 bản HP. Người học phải biết sâu chuỗi từng cơ quan theo thứ tự từ trước ra sau. VD lấy “Chính phủ” trong 5 sơ đồ ra để học, để xem sự kế thừa và phát triển của Chính phủ qua 5 bản HP được thể hiện như thế nào.

Theo cách học này, SV sẽ hình dung được một hệ thống cơ quan nói chung cũng như một cơ quan hiến định nào đó đều có quá khứ và hiện tại rõ ràng. Trên cơ sở đó, có thể so sánh, đánh giá được tính kế thừa và phát triển của nó qua các HP.

Lưu ý: Cách này được sử dụng triệt để khi học các bài học sau (Quốc hội, Chính phủ,...).

Thường thấy trong các câu hỏi thi những câu hỏi/câu nhận định thể hiện sự so sánh/phân biệt một cơ quan nào đó trong HP này với HP khác.

## **Chương 9: QUỐC HỘI**

### **1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8.

Để làm tốt việc “xâu chuỗi” Quốc hội, trước hết phải “xâu chuỗi” được các văn bản quy phạm pháp luật quy định về Quốc hội theo thứ tự về mặt thời gian. Mỗi giai đoạn thi hành Hiến pháp thì có các văn bản Luật tương ứng nên cần đặt các văn bản này sau Hiến pháp. Trên cơ sở đó, những quy định về Quốc hội theo thời gian sẽ cho ta thấy sự phát triển dần của chế định này.

Phần này chỉ cần đọc Giáo trình phần này thì sẽ nắm được, việc đọc các văn bản pháp luật chỉ nên đọc để tham khảo thêm vì quá trình đọc và xử lý văn bản rất khó, mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, SV cũng cần phải dành thời gian cho việc đọc văn bản vì Tập *Hệ thống các văn bản pháp luật Hiến pháp* sẽ được mang vào phòng thi nên nếu không đọc trước, SV sẽ không có thời gian tìm quy phạm.

### **2. Vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội**

Chỉ cần đọc giáo trình, học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014*, không cần học các bản Hiến pháp trước.

Trong đó, chú ý chức năng của Quốc hội thể hiện qua 3 chức năng: lập hiến, lập pháp; giám sát; đại diện.

### **4. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội**

Chỉ cần đọc giáo trình, học theo Hiến pháp và *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014*, không cần học cơ cấu tổ chức của Quốc hội qua các bản HP trước.

### **5. Hình thức hoạt động của Quốc hội**

Cần phân biệt sự khác nhau giữa hình thức hoạt động của Quốc hội với hình thức hoạt động của Chính phủ.

### **6. Đại biểu Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội**

Nắm được tiêu chuẩn trở thành một đại biểu QH, trình tự bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm đại biểu QH.

Chú ý quyền ưu đãi miễn trừ của Đại biểu Quốc hội.

## **Chương 10: CHỦ TỊCH NƯỚC**

### **1. Vị trí pháp lý của Chủ tịch nước**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8. Học hết 5 bản HP để so sánh được sự giống và khác nhau cơ bản của chế định này qua các HP.

### **2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước**

Học hết 5 bản HP nhưng cần nhớ kỹ 3 vấn đề:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước theo HP hiện hành;
- Phân tích theo từng nhóm để nắm được trong việc tổ chức bộ máy nhà nước theo HP hiện hành, Chủ tịch nước có thẩm quyền:
  - + đề nghị QH, UBTVQH bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh nào?
  - + căn cứ vào nghị quyết phê chuẩn của QH, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh nào?
  - + trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh nào?
- Theo HP hiện hành, trong việc tổ chức bộ máy nhà nước, thẩm quyền của Chủ tịch nước được mở rộng hoặc thu hẹp hơn so với HP 1992 ở những quyền nào?

## **Chương 11: CHÍNH PHỦ**

### **1. Về sự ra đời và phát triển của Chính phủ**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8. Học hết 5 bản HP để so sánh được sự giống và khác nhau cơ bản của chế định này qua các HP. Trong đó chủ yếu cần nhớ được sự khác nhau về tên gọi, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ giữa Chính phủ với Quốc hội qua các HP.

### **2. Vị trí, tính chất và chức năng của Chính phủ**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Trong đó, chú ý thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức bộ máy nhà nước và trong vấn đề xử lý văn bản quy phạm pháp luật của cấp dưới bị trái pháp luật.

### **3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Trong đó, chú ý thẩm quyền của Chính phủ trong việc tổ chức bộ máy nhà nước.

### **4. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ**

Do cơ cấu tổ chức của Chính phủ qua các HP được hướng dẫn học ở phần 1 nên phần này chỉ cần học cơ cấu tổ chức của Chính phủ theo HP hiện hành. Cần nắm được 3 vấn đề:

- Kể tên và phân biệt được 3 loại cơ quan: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Thành viên của Chính phủ bao gồm những chức danh nào?
- Trình tự thành lập từng chức danh thuộc thành viên của Chính phủ?

### **5. Hình thức hoạt động của Chính phủ**

Phân biệt được sự khác nhau giữa hình thức hoạt động của Chính phủ với hình thức hoạt động của Quốc hội.

## **Chương 12: TÒA ÁN NHÂN DÂN**

### **1. Về sự ra đời và phát triển của Tòa án nhân dân**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8. Học hết 5 bản HP để so sánh được sự giống và khác nhau cơ bản của chế định này qua các HP. Trong đó chủ yếu cần nhớ được sự khác nhau về trình tự bổ nhiệm thẩm phán TAND các cấp qua các HP.

### **2. Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân**

Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân năm 2014*.

### **3. Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân**

Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân năm 2014*.

### **4. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân**

Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân năm 2014*.

Chú ý trình tự bầu Hội thẩm và bổ nhiệm thẩm phán TAND các cấp qua các Hiến pháp. Đồng thời chú ý những biểu hiện cho thấy vị thế của Thẩm phán trong Hiến pháp 2013.

## **Chương 13: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

### **1. Về sự ra đời và phát triển của Viện Kiểm sát nhân dân**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8. Học hết 5 bản HP để so sánh được sự giống và khác nhau cơ bản của chế định này qua các HP. Trong đó chủ yếu cần nhớ được sự khác nhau về trình tự bổ nhiệm Kiểm sát viên các cấp qua các HP.

### **2. Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân**

Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân 2014*.

### **3. Cơ cấu tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân**

Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân 2014*.

### **4. Kiểm sát viên**

Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân 2014*.

Chú ý trình tự bổ nhiệm Kiểm sát viên các cấp theo Học theo Hiến pháp 2013 và *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân 2014*.

## **Chương 14: CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

Trước khi vào học nội dung của bài này, SV cần hiểu được 4 vấn đề:

- Thuật ngữ “chính quyền địa phương” mặc dù được sử dụng rất phổ biến ở nước ta nhưng nó chính thức trở thành một chế định riêng trong ngành luật HP kể từ khi có HP 2013. Khi nói đến chính quyền địa phương của cấp nào, ta hiểu nó bao gồm HĐND và UBND của cấp đó. VD: nói “chính quyền địa phương Tp.HCM”, ta hiểu nó bao gồm HĐND và UBND của Tp.HCM.

- Tại mỗi cấp đơn vị hành chính có rất nhiều cơ quan, trong đó có HĐND và UBND. Điều đó có nghĩa là “đơn vị hành chính” rộng hơn “chính quyền địa phương”. VD: khi nói đến Quận 1, Tp.HCM, ta hiểu đây là một đơn vị hành chính (cấp huyện), bao gồm HĐND và UBND quận 1 (gọi chung là chính quyền địa phương quận 1) và các cơ quan khác đóng trên địa bàn quận 1 (như: Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân,...).

- Biết được tên gọi các cấp, đơn vị hành chính và tên gọi của các đơn vị hành chính cùng cấp- theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. VD: nói đến “đơn vị hành chính cấp tỉnh”, ta hiểu trong đó có “tỉnh”, “thành phố trực thuộc trung ương” và “đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt” (nếu có).

- Hiện tại, *Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân năm 2003* đang còn hiệu lực. Luật này sẽ bị thay thế bởi *Luật Tổ chức Chính quyền địa phương*, hiện đang trong giai đoạn dự thảo. SV lưu ý cập nhật.

### **I. Hội đồng nhân dân**

#### **1. Vị trí, tính chất của Hội đồng nhân dân**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Trong này lưu ý rằng HĐND là “cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương” chứ không phải là “cơ quan quyền lực nhà nước *cao nhất* ở địa phương”.

#### **2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Cần nắm được các chức năng chủ yếu của HĐND và quyền hạn của cơ quan này trong việc tổ chức bộ máy nhà nước (VD: bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn các chức danh ở địa phương).

#### **3. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8, học theo 5 bản HP để nắm được tên gọi và cơ cấu của HĐND qua các giai đoạn của HP. Trong đó, cần nắm được cơ cấu của UBND theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành.

Lưu ý: Từ năm 2009, nước ta thí điểm mô hình không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường. Nay, Dự thảo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương đưa ra hai

phương án, trong đó có phương án không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường. SV cần theo dõi dự luật thông qua theo phương án nào.

#### **4. Các hình thức hoạt động của Hội đồng nhân dân**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Phân biệt được hình thức hoạt động của HĐND với UBND.

### **II. Ủy ban nhân dân**

#### **1. Vị trí, tính chất của Ủy ban nhân dân**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Trong này lưu ý rằng UBND là “cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương...” và nếu nói đây là “cơ quan hành chính nhà nước *cao nhất* ở địa phương” thì vẫn đúng. Vì tại mỗi đơn vị hành chính ở địa phương, ngoài UBND còn có các cơ quan hành chính khác có vị trí thấp hơn cơ quan này (VD các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND).

#### **2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Cần nắm được các chức năng chủ yếu của UBND và quyền hạn của cơ quan này trong việc tổ chức bộ máy nhà nước (VD: trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm/ cách chức, phê chuẩn các chức danh ở địa phương).

#### **3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân**

Phần này áp dụng cách học thứ 2 đã nêu trong bài 8, học theo 5 bản HP để nắm được tên gọi và cơ cấu của UBND qua các giai đoạn của HP. Trong đó, cần nắm được cơ cấu của UBND theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành.

#### **4. Các hình thức hoạt động của Ủy ban nhân dân**

Học theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Phân biệt được hình thức hoạt động UBND với HĐND.

### **Chương 15: HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Đây là 2 thiết chế hiến định độc lập, xuất hiện lần đầu tiên trong HP (HP 2013).

#### **I. Hội đồng bầu cử quốc gia**

##### **1. Vị trí pháp lý của Hội đồng bầu cử quốc gia**

Học theo Hiến pháp 2013 và tham khảo *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân* (hiện đang còn dự thảo, SV tự cập nhật). Tuy nhiên, cần đọc lịch sử hình thành để biết tên gọi và vị trí pháp lý trước đây của cơ quan này.

##### **2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia**

Học theo Hiến pháp 2013 và tham khảo Dự thảo *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân*.

#### **II. Kiểm toán nhà nước**



## 1. Vị trí pháp lý của của Kiểm toán nhà nước

Học theo Hiến pháp 2013 và tham khảo Dự thảo *Luật Kiểm toán nhà nước*. Tuy nhiên, cần đọc lịch sử hình thành để biết vị trí pháp lý trước đây của cơ quan này.

## 2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước

Học theo Hiến pháp 2013 và tham khảo Dự thảo *Luật Kiểm toán nhà nước*.

### PHẦN 3. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA HẾT MÔN

#### a/ Hình thức kiểm tra và kết cấu đề

Đề kiểm tra bao gồm 3 phần

Phần 1 (4 điểm): 4 Câu hỏi Nhận định đúng hay sai, Giải thích ngắn gọn

Phần 2 (3 điểm): 1 Câu hỏi lý thuyết (dạng câu hỏi kiểm tra kiến thức).

Phần 3 (3 điểm): 1 Bài tập tình huống

Bài tập tình huống là một tình huống giả định (hoặc có thật đã xảy ra) liên quan trực tiếp đến nội dung ôn tập môn học. Bài tập nhằm đánh giá người học khả năng phân tích, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các câu hỏi đặt ra của tình huống. Bài tập gồm một số câu hỏi nhỏ, thường là 3 câu, mỗi câu 1 điểm.

#### b/ Hướng dẫn cách làm bài

Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm.

Không cần làm bài theo thứ tự. Câu dễ làm trước.

Bài viết trình bày theo hiểu biết của mình, có lập luận, có phân tích, không chép nguyên văn từ sách vào, nếu chép sẽ không được tính điểm.

Tuyệt đối không chép bài của người khác để tránh trường hợp hàng loạt bài làm bị sai giống nhau. Đây là điều mà Giảng viên tối kỵ khi chấm điểm. Nếu phát hiện có nhiều bài làm được chép của nhau, Giảng viên sẽ không chấm điểm phần bị chép đó.

Trình bày rõ ràng, chú ý tách bạch các Câu (1, 2, 3, 4), các Phần (I, II, III) bằng một dòng bỏ trống ở giữa. Ý bắt đầu câu phải lùi vào để dễ nhìn, dễ tìm ý.

#### • b1. Đối với phần 1

Đề yêu cầu chọn ĐÚNG hay SAI và giải thích nên câu trả lời đầu tiên phải là “Nhận định này Đúng” hoặc “Nhận định này Sai”. Không để xảy ra tình trạng bài làm viết từ đầu đến cuối rất dài mà không nêu được nhận định đó đúng hay sai; hoặc làm xong câu đó mới kết luận đúng hay sai.

Sau đó là phần giải thích. Việc giải thích phải logic với chữ Đúng hoặc Sai đã chọn ở trên. Tránh trường hợp chọn “Đúng” nhưng giải thích theo hướng “Sai”.



Giải thích xong phải kết luận lại vì nhiều khi bài làm không logic với nhau, giải thích vốn đã rời rạc còn không kết lại vấn đề nên người chấm không thể xác định được hướng làm bài của SV, điểm không cao.

- **b2. Đối với phần 2**

Đây là một câu hỏi lý thuyết (3 điểm), thường ở dạng giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, phân biệt, ít có dạng “hãy trình bày” để tránh trường hợp SV chép nguyên văn từ giáo trình hoặc từ Văn bản pháp luật.

Yêu cầu bài làm phải sâu sắc, phải biết phân tích, tổng hợp, có thể viện dẫn thực tiễn vào để minh họa thêm (tức là lấy thực tiễn làm Ví dụ sau khi đã lý giải xong phần lý thuyết, không phải bỏ qua việc lập luận, lý giải và lấy một trường hợp rất nhỏ trong thực tiễn để giải quyết toàn bộ vấn đề đặt ra); không viết qua loa ít dòng nhưng cũng không mở sách ra chép đại thật nhiều một nội dung nào đó không liên quan, vô nghĩa.

Đối với câu yêu cầu so sánh hoặc phân biệt thì phải dùng các tiêu chí để so sánh/phân biệt. So sánh thì phải nêu được điểm giống và khác nhau, còn phân biệt thì chỉ cần nêu những điểm khác nhau là đủ.

- **b3. Đối với phần 3**

Bài tập tình huống cần phải đọc kỹ đề, xem đề hỏi mấy câu nhỏ? Trong mỗi câu đó có mấy vế?... để trả lời hết, không được bỏ sót vế nào của câu.

Câu trả lời cần được phân tích, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các câu hỏi đặt ra của tình huống, không viết theo kiểu suy nghĩ tự phát như khi chưa học môn này. Đây là điều mà rất nhiều sinh viên mắc phải.

Phải nêu cơ sở pháp lý (nếu có) trước khi giải quyết bài tập.

## **PHẦN 4. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN**

### **ĐỀ THI MẪU**

Đề thi cuối kỳ sẽ có một trong các dạng sau:

- **Phần 1 - Mỗi nhận định sau đây đúng hay sai, giải thích ngắn gọn (4 điểm):**

**Câu 1:** Ngành Luật hiến pháp không được điều chỉnh bởi phương pháp *Thỏa thuận*.

**Câu 2:** Trong lịch sử, hiến pháp Việt Nam chưa bao giờ tồn tại chế định *Nghị viện nhân dân*.

**Câu 3:** Hiến pháp năm 1980 chưa đảm bảo nguyên tắc Tính khả thi của các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

**Câu 4:** “*Nhà nước công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam*” là một trong những điểm mới trong Luật Quốc tịch Việt Nam hiện hành.

- **Phần 2- Câu hỏi lý thuyết (3 điểm):**

Hãy phân biệt sự khác nhau giữa Mối quan hệ pháp lý cơ bản giữa Quốc hội và Chính phủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành với Mối quan hệ giữa Quốc hội và Hội đồng Bộ trưởng theo Hiến pháp 1980.

- **Phần 3- Bài tập tình huống (3 điểm):**

Bà Y. được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh L. giới thiệu ứng cử và đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XIII vào tháng 5/2011. Phát hiện bà Y. có khai man lý lịch khi ứng cử, tháng 4/2012, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có văn bản đề nghị bãi nhiệm tư cách đại biểu Quốc hội đối với bà. Tháng 5/2012, bà Y. gửi Đơn xin từ nhiệm đến Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hỏi:

a. Bà Y. sẽ bị *miễn nhiệm* hay bị *bãi nhiệm* tư cách đại biểu Quốc hội?

Chủ thể nào có thẩm quyền thực hiện việc bỏ phiếu miễn nhiệm/bãi nhiệm bà Y?

Nếu Quốc hội bỏ phiếu miễn nhiệm/bãi nhiệm thì kết quả đó được công nhận khi tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt mức bao nhiêu?

## **ĐÁP ÁN:**

**Phần 1:** (Cần ngắn gọn nhưng rõ ràng)

**Câu 1:** - Nhận định **Đúng** (0,25 điểm);

- Giải thích và Kết luận (0,75 điểm), trong đó:

+ Ngành Luật hiến pháp được điều chỉnh bởi 4 phương pháp: *Cho phép*, *Bắt buộc*, *Cấm đoán* và phương pháp *Định nghĩa* (hay còn gọi là *Xác lập những nguyên tắc chung*) mang tính định hướng cho các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật HP (0,25 điểm)

+ Còn *Thỏa thuận* là phương pháp điều chỉnh đặc trưng của ngành luật Dân sự. (0,25 điểm)

+ Có thể diễn giải thêm và cho VD về phương pháp *Thỏa thuận* để làm rõ ngành Luật này không được điều chỉnh bởi phương pháp *Thỏa thuận* (ý này không bắt buộc).

- Như vậy, nhận định trên đúng, vì ngành Luật hiến pháp không được điều chỉnh bởi phương pháp *Thỏa thuận* mà được điều chỉnh bởi phương pháp *Cho phép*, *Bắt buộc*, *Cấm đoán* và *Xác lập những nguyên tắc chung*. Còn *thỏa thuận* là một phương pháp điều chỉnh của ngành luật khác (Luật Dân sự).

**Câu 2:** - Nhận định **Sai** (0,25 điểm);

- Giải thích và Kết luận (0,75 điểm), trong đó:

+ Nêu tên 5 bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam và chỉ ra được chế định *Nghị viện nhân dân* được quy định trong Hiến pháp năm 1946 (0,25 đ);

+ Chứng minh sự có mặt của chế định *Nghị viện nhân dân* bằng cách trích dẫn Điều thứ 22 và một số Điều trong chương 3 của HP 1946 (0,25 đ);

- Như vậy, nhận định trên đã sai vì trong lịch sử, hiến pháp Việt Nam đã từng tồn tại chế định *Nghị viện nhân dân* trong HP 1946 (0,25 đ).

**Câu 3:** - Nhận định **Đúng** (0,25 điểm);

- Giải thích và Kết luận (0,75 điểm), trong đó:

+ Nêu được nguyên tắc *Tính khả thi của các quyền và nghĩa vụ* là một trong 5 nguyên tắc Hiến pháp. Giới thiệu về nguyên tắc này (0,25 đ).

+ Ở HP 1980, nguyên tắc này không được đảm bảo thực hiện. Thể hiện qua các Điều 51, 52. Nêu và phân tích Điều 51, 52 và thực tiễn thi hành để chỉ ra được sự không khả thi của nó (0,25 đ).

- Kết luận: Đúng là Hiến pháp năm 1980 chưa đảm bảo nguyên tắc Tính khả thi của các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Điều này đã thể hiện qua một số Điều luật đã được phân tích ở trên (0,25 đ).

**Câu 4:** - Nhận định **Sai** (0,25 điểm);

- Giải thích và Kết luận (0,75 điểm), trong đó:

+ So với Luật Quốc tịch Việt Nam năm 1988 thì Luật Quốc tịch Việt Nam hiện hành (được ban hành vào năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014) có một số điểm mới. Trong đó, Nguyên tắc một quốc tịch được áp dụng một cách mềm dẻo hơn. Ngoài việc quy định Nhà nước công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, Luật còn quy định những trường hợp ngoại lệ có thể đồng thời có quốc tịch nước ngoài (Điều 4).

+ Phân tích để chỉ ra được nguyên tắc “Nhà nước công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam” là một quy định có từ trước đó (Điều 3 *Luật quốc tịch Việt Nam năm 1988, 1998*); không phải là điểm mới, chỉ mới ở chỗ được quy định mềm dẻo hơn trước.

- Kết luận (0,25 điểm): “*Nhà nước công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam*” là một nguyên tắc tồn tại từ lâu trong lịch sử Luật quốc tịch nước ta. Đây không phải là điểm mới trong Luật Quốc tịch Việt Nam hiện hành mà chỉ mới ở chỗ nguyên tắc này được áp dụng một cách mềm dẻo hơn trước.

## **Phần 2:**

- Trình bày mối quan hệ pháp lý cơ bản giữa Quốc hội với Chính phủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Trong đó, chủ yếu nhấn mạnh cách thức thành lập Chính phủ (0,5 đ).

- Trình bày mối quan hệ giữa Quốc hội và Hội đồng Bộ trưởng theo Hiến pháp 1980. Trong đó, chủ yếu nhấn mạnh cách thức thành lập Hội đồng Bộ trưởng (0,5 đ).

- Phân tích để chỉ ra những điểm khác nhau (1,5 điểm):

+ Tính độc lập của Hội đồng bộ trưởng trong quan hệ với QH (HP 1980) bị hạn chế hơn trong HP 1992, vì theo HP 1980, Hội đồng bộ trưởng là cơ quan chấp hành và hành chính Nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

+ Về cách thức thành lập Chính phủ (HP 2013) khác với cách thức thành lập Hội đồng Bộ trưởng (HP 1980) ở chỗ HP 2013 làm nổi trội vai trò của Thủ tướng Chính phủ trong việc thành lập Chính phủ (trích Khoản 3, Điều 98, HP 2013 để chứng minh).

+ Thâm quyền của Thủ tướng Chính phủ cũng được quy định cao hơn (trích Điều 98 HP 2013 để chứng minh).

- Kết luận (0,5 điểm): Mối quan hệ pháp lý cơ bản giữa Quốc hội với Chính phủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành và mối quan hệ giữa Quốc hội và Hội đồng Bộ trưởng theo Hiến pháp 1980 là không hoàn toàn giống nhau.

## **Phần 3:**

a.

- Bà Y. sẽ bị *bãi* nhiệm tư cách đại biểu Quốc hội (0,5 điểm);

- Giải thích (0,5 điểm) bằng cách trích Điều 56 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 và lập luận. Cần chỉ ra được trường hợp của bà Y là “không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân” để chỉ ra được hình thức áp dụng là bãi nhiệm.

b.

- Chủ thể có thẩm quyền thực hiện việc bỏ phiếu bãi nhiệm bà Y là Quốc hội hoặc cử tri nơi bầu ra bà Y (0,5 điểm).

- Trích Điều 56 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001, lập luận tương tự câu a (0,5 điểm).

c.

- Nếu Quốc hội bỏ phiếu bãi nhiệm thì kết quả đó được công nhận khi tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt mức tối thiểu là 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội (0,5 điểm).

- Trích Điều 56 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001, lập luận tương tự câu a (0,5 điểm).

Lưu ý:

- Ở mỗi câu, chỉ trích đoạn nào có liên quan, không trích nguyên văn toàn bộ quy định Điều 56 nêu trên;

- Nếu tình huống đề cho rơi vào thời điểm áp dụng *Luật tổ chức Quốc hội năm 2014* (từ ngày 01/01/2016) thì phải trích dẫn Luật mới.

.....HẾT.....